

数据表 - BN 20-11RZ

磁簧开关 / BN 20



☒ 优选型号



- 带电缆
- 非接触工作原理
- 2 簧片触点
- 1 干簧管
- 长寿命
- 104 mm x 52 mm x 47 mm
- 铝外壳
- 根据操动磁铁和型号，操动距离最大到 50 mm
- 螺丝连接
- 高抗振性
- 可提供从前面或侧面操动

(样本和原产品之间可能存在细微的差别！)

订货须知

|        |               |
|--------|---------------|
| 产品型号   | BN 20-11RZ    |
| 产品代码   | 101165310     |
| EAN 编号 | 4030661208909 |
| eCl@ss | 27-27-01-04   |

认证

|    |   |
|----|---|
| 认证 | - |
|----|---|

通用属性

|                                                                                                |                                                                                                        |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 产品名称                                                                                           | BN 20                                                                                                  |
| 标准                                                                                             | -                                                                                                      |
| 符合指令 (Y/N)  | 有                                                                                                      |
| 适用于电梯（是/否）                                                                                     | 无                                                                                                      |
| 有效原则                                                                                           | 磁驱动                                                                                                    |
| 原料                                                                                             |                                                                                                        |
| - 外壳的原材料                                                                                       | 铝                                                                                                      |
| - 活动面的原材料                                                                                      | 金属薄膜                                                                                                   |
| 外壳结构类型                                                                                         | 矩形的                                                                                                    |
| 重量                                                                                             | 298 g                                                                                                  |
| 推荐操作件                                                                                          | BP 10N, BP 10S, 2 x BP 10N, 2 x BP 10S, BP 15N, BP 15S, 2 x BP 15/2N, 2 x BP 15/2S, BP 34N, BP 34S, BP |

20N, BP 20S, BP 31N, BP 31S, BP 11N, BP 11S, 2 x BP 11N, 2 x BP 11S, BP 12N, BP 12S, 2 x BP 12N, 2 x BP 12S, BP 21 N, BP 21S, 2 x BP 21N, 2 x BP 21S, BE 20N, BE 20S

## 机械参数

|            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 电气连接设计     | 螺丝连接                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 机械寿命       | 1.000.000.000 操作次数                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 电子寿命       | 1.000.000 ... 1.000.000.000 操作次数                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 开关频率       | max. 300/s                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 操动面        | 从侧面操作                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 有效区域       | 横向                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 开关距离 $S_n$ | 5 mm ... 50 mm<br>BP 10N = 5 mm<br>BP 10S = 5 mm<br>2 x BP 10N = 10 mm<br>2 x BP 10S = 10 mm<br>BP 15N = 7 mm<br>BP 15S = 7 mm<br>2 x BP 15/2N = 15 mm<br>2 x BP 15/2S = 15 mm<br>BP 34N = 10 ... 25 mm<br>BP 34S = 10 ... 25 mm<br>BP 20N = 15 mm<br>BP 20S = 15 mm<br>BP 31N = 15 mm<br>BP 31S = 15 mm<br>BP 11N = 5 mm<br>BP 11S = 5 mm<br>2 x BP 11N = 15 mm<br>2 x BP 11S = 15 mm<br>BP 12N = 10 mm<br>BP 12S = 10 mm<br>2 x BP 12N = 5 ... 20 mm<br>2 x BP 12S = 5 ... 20 mm<br>BP 21 N = 10 ... 35 mm<br>BP 21 S = 10 ... 35 mm<br>2 x BP 21N = 15 ... 50 mm<br>2 x BP 21S = 15 ... 50 mm<br>BE 20N = 10 mm<br>BE 20S = 10 mm |
| - 注意       | 根据操动磁铁和型号, 操动距离最大到 50 mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 操作类型       | 磁铁                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 抗冲击        | -                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 高抗振性       | 50 g, 正弦波型                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 回弹时间       | 0,3 ms ... 0,6 ms                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 锁定 (是/否)   | 无                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 纠转磁铁 (是/否) | 有                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 操作的速度      | max. 18 m/s                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 开关点精度      | ± 0,25 mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

## 周围条件

|          |        |
|----------|--------|
| 周围温度     |        |
| - 最低环境温度 | -25 °C |
| - 最高环境温度 | +90 °C |
| 防护等级     | IP67   |

## 电气参数

|         |                           |
|---------|---------------------------|
| 转换元件说明  | 双稳态触点, 打开(NC) / 常开触点 (NO) |
| 速动触点数量  | 2                         |
| 开关时间-关闭 | 0,3 ms - 1.5 ms           |
| 开关时间-打开 | max. 0,5 ms               |
| 电压类型    | VAC                       |
| 绝缘强度    | > 600 VAC (50 Hz)         |
| 开关电压    | max. 250 VAC              |
| 开关电流    | max. 3 A                  |
| 开关容量    | max. 120 VA / W           |

输出

|        |     |
|--------|-----|
| 转换输出说明 | 干簧管 |
|--------|-----|

LED开关转换情况显示

|                   |   |
|-------------------|---|
| LED开关转换情况显示 (Y/N) | 无 |
|-------------------|---|

ATEX

|        |   |
|--------|---|
| 燃气防爆类别 | 无 |
| 粉尘防爆类别 | 无 |

尺寸

|         |        |
|---------|--------|
| 传感器尺寸   |        |
| - 传感器宽度 | 104 mm |
| - 传感器高度 | 52 mm  |
| - 传感器长度 | 47 mm  |

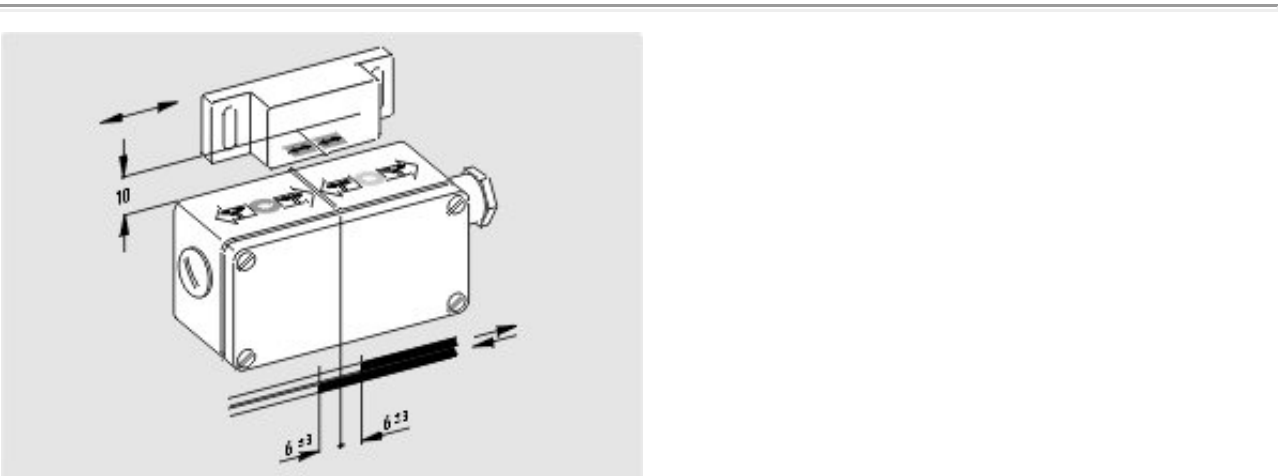
注意

打开和闭合功能取决于操动方向，操动磁铁以及磁铁的极性。  
当开关和操动件靠近在一起时，颜色标记必须一致：红(S)对红(S)，绿(N)对绿(N)。

包含在发货中

|           |
|-----------|
| 操动件必须单独订购 |
|-----------|

图表



注意 图

-  肯定断开NC触点
-  动作
-  未动作
-  常开触点
-  常闭触点

## 文件

---

符合声明 (en) 118 kB, 26.02.2014

Code: \_\_bn\_p01\_en

符合声明 (de) 102 kB, 08.06.2016

Code: \_\_bn\_p01

注意 - 开关距离 (de) 36 kB, 07.08.2009

Code: s\_bnsp01

注意 - 开关距离 (nl) 39 kB, 07.08.2009

Code: s\_bnsp04

注意 - 开关距离 (fr) 41 kB, 07.08.2009

Code: s\_bnsp03

注意 - 开关距离 (pt) 39 kB, 07.08.2009

Code: s\_bnsp10

注意 - 开关距离 (it) 40 kB, 07.08.2009

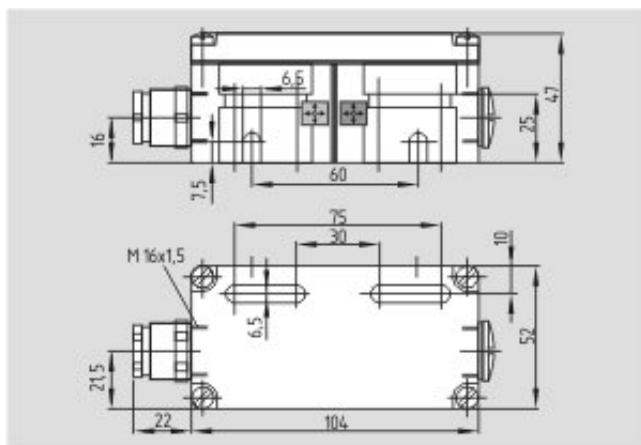
Code: s\_bnsp05

注意 - 开关距离 (es) 38 kB, 07.08.2009

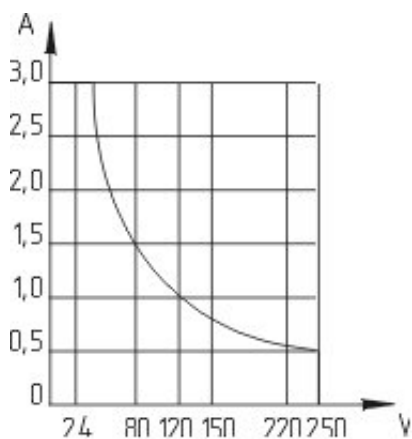
Code: s\_bnsp09

## 图象

---



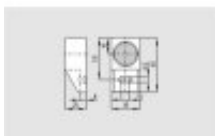
尺寸图（基本结构）



### 特征曲线

系统原件

## 操动件



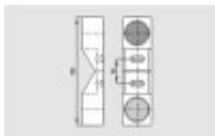
**101057534 - BP 21 S**

- Al-金属外壳
- 红色标注的S极
- 适合安装于铁质材料



**101057536 - BP 21 N**

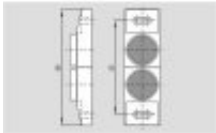
- Al-金属外壳
- N极标记为绿色
- 适合安装于铁质材料



**101059921 - BP 21**

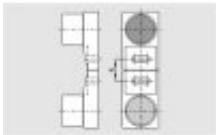
- Al-金属外壳
- 红色标注的S极
- N极标记为绿色
- 适合安装于铁质材料

**101059917 - BP 12 N**



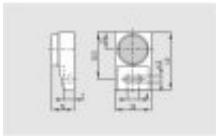
- Al-金属外壳
- N极标记为绿色
- 适合安装于铁质材料

**101059916 - BP 12**



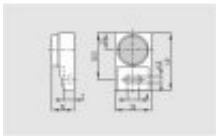
- Al-金属外壳
- 红色标注的S极
- N极标记为绿色
- 适合安装于铁质材料

**101057533 - BP 11 S**



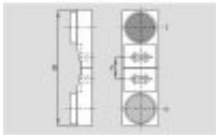
- Al-金属外壳
- 红色标注的S极
- 适合安装于铁质材料

**101059923 - BP 11 N**



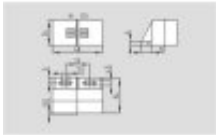
- Al-金属外壳
- N极标记为绿色
- 适合安装于铁质材料

**101059922 - BP 11**



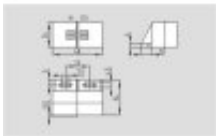
- Al-金属外壳
- 红色标注的S极
- N极标记为绿色
- 适合安装于铁质材料

**101057521 - BP 31 S**



- 热塑外壳
- 红色标注的S极
- 适合在距离铁磁性材料20mm 上安装

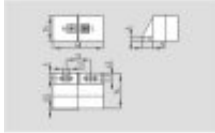
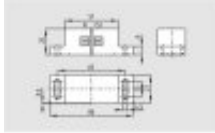
**101057520 - BP 31 N**



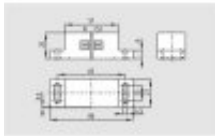
- 热塑外壳
- N极标记为绿色
- 适合在距离铁磁性材料20mm 上安装

**101057530 - BP 31**

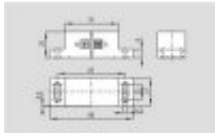
- 热塑外壳
- 红色标注的S极
- N极标记为绿色
- 适合在距离铁磁性材料20mm 上安装

**101057541 - BP 20 S**

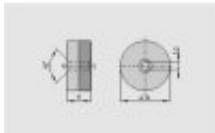
- Al-金属外壳
- 红色标注的S极
- 适合在距离铁磁性材料20mm 上安装

**101057538 - BP 20 N**

- Al-金属外壳
- N极标记为绿色
- 适合在距离铁磁性材料20mm 上安装

**101057549 - BP 20**

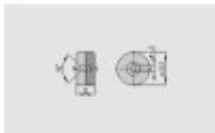
- Al-金属外壳
- 红色标注的S极
- N极标记为绿色
- 适合在距离铁磁性材料20mm 上安装

**101057553 - BP 34**

- 热塑外壳
- 红色标注的S极
- N极标记为绿色
- 适合在距离铁磁性材料25mm 上安装

**101060165 - BP 15/2**

- 未附
- 刻有极性
- 适合在距离铁磁性材料18mm 上安装

**101060163 - BP 15**

- 热塑外壳
- N极标记为绿色
- 红色标注的S极
- 适合在距离铁磁性材料18mm 上安装

**101057531 - BP 10**

- 未附
- 用标签颜色分开极性



---

凯.安. 施迈赛, Möddinghofe 30, D-42279 伍泊塔

资料 and 数值已经过检查, 但不排除技术修改和错误。

Generiert am 04.04.2017 - 14:07:05h Kasbase 3.2.6.F.64l